

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 504/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27-11-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Công Sét
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy - Thư ký Tòa án.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 412/2019/TLST- HNGĐ, ngày 29 tháng 8 năm 2019 tranh chấp Hôn nhân và gia đình về “ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Huỳnh N, sinh năm 1990. HKTT: ấp HL, xã HL, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. (hiện cư trú: ấp Hòa H, xã PH, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang).

2. Bị đơn: Anh Phạm Thanh S, sinh năm 1988. Địa chỉ cư trú ấp HL, xã HL, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

(Chị N có mặt, anh S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22-8-2019; bản tự khai ngày 12-9-2019 và tại phiên tòa chị Trần Huỳnh N trình bày: Nguyên trước đây anh chị có tìm hiểu nhau một thời gian, được cha mẹ hai bên đồng ý tiến tới hôn nhân và có tổ chức lễ cưới vào năm 2009; có đăng ký kết hôn tại UBND xã HL, huyện Phú Tân theo giấy kết hôn số 278/2009, ngày 26-12-2009. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh nhiều mâu thuẫn với nhau. Lý do, thời gian đầu chung sống có hạnh phúc sau đó phát sinh bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, chị cho rằng anh S ăn chơi cờ bạc có khuynh hướng nhiều lần như không bỏ, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau về kinh tế, tiền bạc trong cuộc sống và đồng thời anh S có quan hệ bất chính với người khác đã phát hiện 01 lần nên chị bỏ về nhà cha, mẹ ruột

sống ly thân từ tháng 6/2019DL cho đến nay; thời gian sau đó không thể hàn gắn chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu ly hôn với anh S.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống có 02 người con chung tên Phạm Gia K, sinh ngày 30-11-2010 và Phạm Trần NV, sinh ngày 20-5-2014 hiện đang chung sống với chị. Nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 người con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về quan hệ nợ phải thu phải trả: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 12-9-2019 và biên bản hòa giải ngày 12-9-2019 bị đơn anh Phạm Thanh S trình bày: Nguyên trước đây vợ chồng tìm hiểu nhau một thời gian được cha, mẹ hai bên đồng ý tiến tới hôn nhân và có tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại xã HL, huyện PT theo giấy kết hôn số 278/2009, ngày 26-12-2009. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn với nhau. Lý do, vợ chồng bất đồng quan điểm sống hằng ngày, thường xuyên cự cãi nhau, nguyên nhân anh cho rằng do chị N có quen biết với bạn bè bên ngoài, nhiều lần nhắn tin và đi chơi chung với người khác, anh có khuyên can vợ nhưng chị N không thay đổi và chị N bỏ về nhà cha, mẹ sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Hiện nay anh còn thương vợ thương con, muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng chung sống lại với nhau, không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về quan hệ con chung: có 02 người con chung tên Phạm Gia K, sinh ngày 30-11-2010 và Phạm Trần N V, sinh ngày 20-5-2014 hiện đang chung sống với chị N, nay không đồng ý ly hôn nên không đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng. Trường hợp chị N cương quyết ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về quan hệ nợ phải thu phải trả: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về hình thức, thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Chị Trần Huỳnh N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Phạm Thanh S sinh năm 1988. Cư trú ấp HL, xã HL, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

1.3 Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Phạm Thanh S được tổng đạt trực tiếp nhận các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Phạm Thanh S không có mặt, nên HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Phạm Thanh Sang.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Huỳnh N và anh Phạm Thanh S có đăng ký kết hôn (giấy chứng nhận kết hôn số 278/2009, ngày 26-12-2009 do UBND xã HL, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang cấp cho anh chị) đây là hôn nhân được pháp luật bảo vệ và giải quyết khi có mâu thuẫn xảy ra. Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa thể hiện, hôn nhân của anh chị được xác lập từ năm 2009 trên cơ sở tìm hiểu nhau và tự nguyện chung sống với nhau, thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cự cãi thường xuyên, quan điểm trong cuộc sống hằng ngày; cự cãi nhau trong sinh hoạt gia đình chị N cho rằng anh S ăn chơi cờ bạc có khuyến ngăn nhiều lần như không bỏ, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau về kinh tế, tiền bạc trong cuộc sống và đồng thời anh S có quan hệ bất chính với người khác đã phát hiện 01 lần; anh S cho rằng do chị N có quen biết với bạn bè bên ngoài, nhiều lần nhắn tin và đi chơi chung với người khác, anh có khuyến can vợ nhưng chị N không thay đổi. Thời gian ly thân anh chị không tạo điều kiện để hàn gắn, từ đó tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; đồng thời anh chị cũng vì ghen tuông lẫn nhau làm phát sinh mâu thuẫn về tình cảm do hiện nay chị N cương quyết ly hôn mà Tòa án chấp nhận thì anh S cũng đồng ý nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2 Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 người con chung tên Phạm Gia K, sinh ngày 30-11-2010 và Phạm Trần NV, sinh ngày 20-5-2014 hiện đang chung sống với chị N. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung nhưng anh S không đồng ý mà anh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung. Xét từ thời gian anh chị ly thân cho đến nay cháu Phạm Gia K đang học lớp 4, trường Tiểu học B PH, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang; cháu N V đang học Trường Mần non PH đều được chị N và cha, mẹ ruột chị đưa rước các cháu đi học hằng ngày ổn định; Hiện tại chị N cũng có làm nghề uốn tóc nữ và làm trái Cà Na bán đi nhiều tỉnh theo chị khai thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đủ đảm bảo chăm lo, nuôi dưỡng cho 02 con chung. Chị N khai hiện nay mẹ ruột của anh S mới chết, anh S đi làm thuê cho công ty (làm nghề gánh cá thuê) thì thời gian vắng nhà thường xuyên, công việc không ổn định, khi vào mùa mới có công việc làm, kinh tế chưa ổn định và gia đình sống gần sông nước, các con còn nhỏ nên không thể giao các con chung cho anh S nuôi dưỡng theo yêu cầu anh S, hiện tại 02 con chung được chăm lo, nuôi dưỡng và ăn học đảm bảo như bao đứa trẻ khác. Và lại, từ khi Tòa án triệu tập anh S hòa giải và tham gia phiên tòa thì anh S chỉ đến tham gia hòa giải có yêu cầu được nuôi 02 con chung nhưng sau này anh S không có mặt dù Tòa án đã triệu tập anh để xác minh làm rõ về điều kiện cuộc

sống, công việc, thu nhập kinh tế gia đình và điều kiện có đảm bảo việc nuôi dưỡng các con hay không nhưng anh S không có mặt tham gia nên HĐXX không thể xem xét yêu cầu của anh S và đồng thời đảm bảo cuộc sống ổn định cho 02 cháu K, Cháu V như hiện nay; phù hợp với nguyện vọng của cháu Phạm Gia K muốn sống với mẹ tại bản tự khai gửi cho Tòa án nên chấp nhận yêu cầu của chị N được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung theo quy định Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đáng lẽ anh S phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định nhưng tại phiên tòa chị N tự nguyện không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích của các con chung thời gian sau này mà chị N nuôi dưỡng không đảm bảo thì anh S có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

2.3 Về quan hệ tài sản chung và nợ phải thu phải trả: anh chị khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3]. *Về án phí DSST*: Chị Trần Huỳnh N phải chịu án phí hôn nhân theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] *Quyền kháng cáo*: Chị Trần Huỳnh N và anh Phạm Thanh S có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 3; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Huỳnh N đối với anh Phạm Thanh S.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Huỳnh N được ly hôn với anh Phạm Thanh S.

2. Về quan hệ con chung:

2.1 Giao 02 người con tên Phạm Gia K, sinh ngày 30-11-2010 và Phạm Trần NV, sinh ngày 20-5-2014 cho chị Trần Huỳnh N được tiếp tục trông nom, nuôi

đưỡng, chăm sóc đến thành niên hoặc tự lập được; chị Trần Huỳnh N tự nguyện không yêu cầu anh Phạm Thanh S cấp dưỡng nuôi con.

2.2 Chị Trần Huỳnh N trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở mà phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi anh Phạm Thanh S đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

2.3 Vì lợi ích của con chung khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí DSST:

3.1 Chị Trần Huỳnh N phải chịu án phí về hôn nhân là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006104 ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

3.2 Anh Phạm Thanh S không phải chịu án phí.

Chị Trần Huỳnh N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Phạm Thanh S được quyền kháng cáo kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện PT;
- Chi cục THADS huyện PT;
- UBND xã HL; huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thành Thuận